

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, là Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS, ngày 03/10/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS, ngày 03/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-DS, ngày 24/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/QĐST-DS, ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Hợp tác xã V

Địa chỉ: Hoàng Đạo T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng hợp tác xã V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã V - chi nhánh B (Quyết định số 312/2021/QĐ-NHHT, ngày 03/11/2021)

Người được ủy quyền lại: Mai Văn K, Chức vụ: Nhân viên tín dụng Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ – Có mặt.

Địa chỉ: Lê Hồng P, TP. Buôn Ma T, tỉnh Đ

(Theo văn bản ủy quyền số 272/2022/CNĐL ngày 12/7/2022).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Khoa N – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 31/7/2022), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Mai Văn K trình bày:*

Ngày 01 tháng 08 năm 2018 Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đắk Lắk và bà Võ Thị Kim L ký kết Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001 và theo Giấy phươg án trả nợ và cam kết trả nợ ngày 31/7/2018 của bà L và ông N (chồng bà L) đã ký kết. Theo nội dung Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà L vay số tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay 05 năm (từ ngày 01/08/2018 đến 01/08/2023), lãi suất tiền vay 11%/năm, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 3.000.000 đồng và lãi phát sinh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay; lãi suất chậm trả 10%/ năm.

Hình thức vay vốn của bà Võ Thị Kim L là vay tín chấp. Mục đích sử dụng tiền vay vốn là sửa chữa nhà ở. Quá trình vay, bà L chỉ thanh toán được tiền gốc là: 45.500.000 đồng; số tiền lãi là: 25.518.904 đồng.

Hiện nay món vay đã bị chậm gốc và lãi, mặc dù cán bộ tín dụng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc để thu hồi vốn vay nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Vì vậy Ngân hàng đã ban hành thông báo số 117/TB-CNDL ngày 14/4/2022 về việc chấm dứt hợp đồng cho vay trước thời hạn và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Hợp tác xã V yêu cầu bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N liên đới cùng với bà L thanh toán nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ) tổng số tiền là 194.133.678 đồng (Tính đến ngày 26/5/2023) theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018. trong đó: Số tiền nợ gốc là 134.500.000 đồng, Số tiền nợ lãi trong hạn là: 35.252.329 đồng, Số tiền nợ lãi quá hạn là: 24.381.349 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018.

Thời hạn thanh toán theo trình tự thủ tục Thi hành án.

** Biên bản lấy lời khai bà Võ Thị Kim L trình bày:*

Bà L công nhận vợ chồng bà vay vốn để sửa chữa nhà ở theo nội dung của Hợp đồng tín dụng và quá trình thanh toán nợ. Tính đến nay bà L đã thanh toán được tiền gốc là: 45.500.000 đồng; số tiền lãi là: 25.518.904 đồng. Nay bà L đồng ý thanh toán

nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo bản kê mà Nguyên đơn cung cấp và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong nợ cho Nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khoa N vắng mặt không có lý do.*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn Võ Thị Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khoa N chấp hành không đúng quy định của pháp luật,

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N phải thanh toán cho Ngân hàng Hợp tác xã V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ) số tiền nợ gốc chưa trả là 134.500.000 đồng, Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: 35.252.329 đồng và tiền lãi quá hạn là: 24.381.349 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018.

Về án phí: Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam khởi kiện bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018. Vì vậy, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bà L, ông N có địa chỉ Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Kim L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Loan.

Ông Nguyễn Khoa N (chồng bà Võ Thị Kim L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nhưng ông Nam đều vắng mặt, không trình bày ý kiến của

mình. Tại phiên tòa, ông N vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng việc mục đích sử dụng tiền vay vốn là sửa chữa nhà ở theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 và ông Nguyễn Khoa N trực tiếp ký vào Bản cam kết trả nợ ngày 31/7/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *Trường hợp “nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*, do đó Hội đồng xét xử xét thấy ông N phải chịu liên đới cùng với bà L thanh toán nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã V.

[2]. Về chủ thể, nội dung hợp đồng:

[2.1]. Đối với hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 và Phương án sử dụng vốn vay và cam kết trả nợ ngày 31/7/2018 đã xác định được Ngân hàng Hợp tác xã V cho bà Võ Thị Kim L, ông Nguyễn Khoa N vay số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay sửa chữa nhà ở; Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 01/08/2018 đến 01/08/2023), số tiền gốc phải trả hàng tháng là 3.000.000 đồng và lãi phát sinh, thời hạn trả nợ gốc chia kỳ, tương đương 60 tháng, thời điểm trả hết nợ vào ngày 01/8/2023; Lãi suất 11%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng trên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng Hợp tác xã V và bên vay là bà L, ông N. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 và giấy cam kết trả nợ ngày 31/7/2018 thì bà Loan, ông Nam vay tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

Tính đến ngày xét xử ngày 26/5/2023 bà L, ông N đã trả được số tiền gốc 45.500.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018 bà L, ông N còn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng là 134.500.000 đồng.

Tại Điều 6 của Hợp đồng cho vay số 17TD059000001, ngày 01/8/2018 thể hiện Nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước thời hạn nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn, bên được cấp tín dụng vi phạm nội dung hợp đồng tín dụng. Do vậy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L và ông N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 134.500.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018 là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn:

Tại Điều 2 hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 thể hiện thời điểm Ngân hàng giải ngân cho bà L, ông N thì lãi suất là 11%/năm.

Tính đến ngày 26/5/2023, tổng số tiền lãi trong hạn mà bà L, ông N có nghĩa vụ thanh toán là 60.771.233 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 25.518.904 đồng, số tiền lãi trong hạn phải thanh toán là 35.252.329 đồng.

[2.4]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại điểm b Điều 2 hợp đồng tín dụng 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 thể hiện trường hợp không thanh toán đúng hạn và đầy đủ thì Nguyên đơn có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn.

Theo Thông báo chấm dứt hợp đồng cho vay trước hạn số 117-BT-CNDL, ngày 14/4/2022 của Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ kể từ ngày 20/4/2022, vì vậy thời điểm bà L, ông N có nghĩa vụ thanh toán lãi quá hạn kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 16/5/2023 là 24.381.349 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn của Nguyên đơn đối với bà L, ông N theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018 thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 26/5/2023 là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bà L, ông N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền là 134.500.000 đồng + 35.252.329 đồng + 24.381.349 đồng = 194.133.678 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Kim L, ông Nguyễn Khoa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $[194.133.678 \text{ đồng}] \times 5\% = 9.706.683 \text{ đồng}$ (làm tròn 9.707.000 đồng). Bà Võ Thị Kim L, ông Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ nộp số tiền 9.707.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả Ngân hàng Hợp tác xã V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ) số tiền 4.550.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Hợp tác xã V (Người nộp tiền Mai Văn K) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 00033373, ngày 29/9/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Áp dụng các Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 37 luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã V.

1. Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N thanh toán cho Ngân hàng Hợp tác xã V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ) tổng số tiền là 194.133.678 đồng (*Một trăm chín mươi tư triệu một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng*) (Tính đến ngày 26/5/2023), theo Hợp đồng cấp tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018, trong đó số tiền nợ gốc là 134.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.252.329 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.381.349 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 17TD059000001, ngày 01/8/2018, kèm Giấy nhận nợ số ngày 01/8/2018.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ nộp số tiền 9.707.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả Ngân hàng Hợp tác xã V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Hợp tác xã V- chi nhánh Đ) số tiền 4.550.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Hợp tác xã V (Người nộp tiền Mai Văn K) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 00033373, ngày 29/9/2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Noìnhậ:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Võ Thị Nhi (đã ký và đóng dấu)